

Số: 80/2022/QĐST- HNGĐ

Nghi Sơn, ngày 24 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 127/2022/TLST - HNGĐ ngày 08/8/2022, giữa:

- Anh Trần Văn C - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: TDP T, phường B, thị xã N - Thanh Hóa;

- Chị Lê Thị B – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: TDP Thanh K, phường B, thị xã N - Thanh Hóa;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16 tháng 8 năm 2022;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 16/8/2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: Anh Trần Văn C - Sinh năm: 1986

Địa chỉ: TDP T, phường B, thị xã N- Thanh Hóa

- Bị đơn: Chị Lê Thị B – Sinh năm: 1991

Địa chỉ: TDP T, phường B, thị xã N - Thanh Hóa;

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về Hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Trần Văn C và chị Lê Thị B.

- Về Con chung: Anh C và chị B thống nhất có 02 con chung là: Cháu Trần Châu A - Sinh ngày 09 tháng 9 năm 2015 và cháu Trần Quang P - Sinh ngày 13 tháng 12 năm 2018.

Anh C và chị B thống nhất giao cháu Châu A cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Quang P cho chị B trực tiếp nuôi dưỡng, anh C và chị B không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh C và chị B được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

- Về Tài sản và công nợ: Anh C và chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh C và chị B, anh C nộp 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền án phí HNGĐ sơ thẩm. Trả lại cho anh C 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) số tiền trên được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai số AA/2021/0012193 ngày 08/8/2022, tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Nghi Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Viện kiểm sát ND thị xã Nghi Sơn;
- Chi cục THADS thị xã Nghi Sơn;
- UBND phường Bình Minh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Mai Đình Thuận

